

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/LĐ-PT

Ngày 24/12/2020

V/v tranh chấp về tiền lương, bảo
hiểm xã hội, đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tấn.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng.
Ông Nguyễn Đắc Cường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lý Đạo Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 13/2020/TLPT-LĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐ-PT ngày 02/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐ-PT ngày 11/12/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông G.J.P, sinh năm 1988; Quốc tịch: Trung Quốc – Số hộ chiếu E47814710; địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông P.T.T.T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 18/7/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Công ty H; địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông H.T.V, sinh năm 1976; địa chỉ: Thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Thị xã D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 14/5/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Theo Thông báo về việc sáp nhập số 3247/TB-BHXH ngày 16/12/2019). Người đại diện hợp pháp: Bà N.T.M.H – chức vụ: Phó trưởng Phòng Thanh tra – kiểm tra Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 42/UQ-BHXH ngày 10/12/2020 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:*

+ Nguyên đơn ông G.J.P.

+ Bị đơn Công ty H.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18 tháng 11 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông P.T.T.T trình bày:*

Ông G.J.P và Công ty H (gọi tắt là Công ty H) có ký hợp đồng lao động vào ngày 01/8/2015 với thời hạn lao động là 02 năm, chức danh quản lý (công việc chuyên môn là bán hàng), mức tiền lương hàng tháng là 15.000.000 đồng, trả lương vào ngày 15 hàng tháng. Ngoài ra, hợp đồng còn có thỏa thuận về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật. Việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Ông G.J.P là người nước ngoài lao động tại Việt Nam nên đã cấp Giấy phép lao động theo quy định pháp luật. Quá trình làm việc ông G.J.P luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và nội quy của công ty.

Sau khi kết thúc thời hạn hợp đồng 02 năm, ngày hết hạn hợp đồng là ngày 01/8/2017 thì ông G.J.P vẫn tiếp tục ở lại công ty làm việc. Công ty H không ký kết hợp đồng lao động tiếp nhưng làm thủ tục cấp Giấy phép lao động cho ông G.J.P, ghi rõ thời hạn làm việc theo Giấy phép lao động là từ ngày 02/10/2017 đến ngày 30/9/2019 và nơi làm việc là tại Công ty H. Ông G.J.P vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty H theo vị trí công việc như cũ, mức lương như cũ.

Tuy nhiên, đến ngày 03/3/2018 thì ông G.J.P bất ngờ nhận được thông tin bị đuổi việc. Công ty H không gửi cho ông G.J.P văn bản nào thông báo trước cho thôi việc. Công ty H buộc ông G.J.P phải bàn giao lại công việc đang phụ trách và không cho vào công ty làm việc. Ông G.J.P chỉ nhận được thông tin bị nghỉ việc bằng lời nói.

Ngày 03/3/2018, ông G.J.P đến làm việc nhưng Công ty H không cho vào làm nên về Trung Quốc. Ngày 06/3/2018, ông G.J.P trở lại Việt Nam làm việc nhưng Công ty H vẫn không cho vào.

Từ khi vào làm việc tại Công ty H ngày 01/8/2015 đến nay ông G.J.P chưa nhận được tiền lương. Theo hợp đồng thì Công ty H phải trả lương cho ông G.J.P vào ngày 15 hàng tháng nhưng vì muốn dành toàn bộ số tiền lương trong thời gian làm việc để nhận một lần khi nghỉ việc nên ông G.J.P không đòi hỏi Công ty H phải trả lương hàng tháng. Tuy nhiên, Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đã gây thiệt hại cho ông G.J.P, không giải quyết các chế độ về tiền lương, bảo hiểm là không đúng quy định pháp luật.

Mặc dù, hợp đồng lao động có thỏa thuận việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhưng Công ty H không đóng bảo hiểm cho ông G.J.P là vi phạm quy định pháp luật. Trong quá trình làm việc, ông G.J.P không biết việc Công ty H không tham gia bảo hiểm cho ông. Đến khi bị nghỉ việc, ông G.J.P yêu cầu giải quyết các chế độ tiền lương, bảo hiểm thì mới biết Công ty H không tham gia bảo hiểm cho ông G.J.P theo quy định pháp luật.

Vì vậy, nguyên đơn ông G.J.P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

1. Buộc Công ty H phải trả cho ông G.J.P khoản tiền lương tính từ ngày 01/8/2015 đến ngày 03/7/2018 là khoản tiền trong thời gian làm việc tại Công ty H nhưng chưa được trả lương (ngày ông G.J.P bị nghỉ việc là ngày 03/3/2018). Tuy nhiên, ông G.J.P yêu cầu đến ngày 03/7/2018 là tính thêm 04 tháng kể từ ngày nghỉ việc tạm tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm lần thứ 1 đối với yêu cầu khởi kiện đã nộp đơn khởi kiện lần đầu vào tháng 3 năm 2018 nhưng đã bị đình chỉ tại Quyết định đình chỉ số 01/2019/QĐST-LĐ, ngày 10/01/2019) với số tiền là $15.000.000/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 525.000.000$ đồng.

2. Tiền bảo hiểm xã hội trong thời gian 35 tháng, tương đương 22%/tháng với số tiền $15.000.000 \text{ đồng} \times 22\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 90.000.000$ đồng (số tiền nhiều hơn nhưng ông G.J.P chỉ yêu cầu 90.000.000 đồng và yêu cầu trả bằng tiền mặt).

3. Tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian 03 năm là 22.500.000 đồng.

4. Các khoản tiền do Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật (do Công ty H không cho ông G.J.P vào làm việc), tạm tính từ ngày nghỉ việc 03/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 04 tháng, gồm các khoản tiền sau: Tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc được, tính từ ngày ông G.J.P nghỉ việc tạm tính đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tổng cộng tạm tính khoảng 90.000.000 đồng.

5. Tiền thuê nhà trong thời gian 03 tháng là 3.000.000 đồng.

6. Tiền lãi của khoản tiền nợ lương mà Công ty H chưa thanh toán cho ông G.J.P tạm tính từ ngày 15/8/2015 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là 321.732.000 đồng (tạm tính trên số tiền lương còn nợ là 525.000.000 đồng).

Tổng cộng, số tiền Công ty H phải trả cho ông G.J.P tạm tính là 1.052.232.000 đồng.

Ông G.J.P không yêu cầu Công ty H nhận trở lại làm việc vì đến nay thời hạn làm việc theo Giấy phép lao động tại Công ty H đã hết hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Hộ chiếu, Thị thực, giấy phép lao động, hợp đồng lao động, biên bản hòa giải (bản photo), đơn xin xác nhận công tác (bản chính).

** Theo bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông H.T.V trình bày:*

Công ty H (gọi tắt là Công ty H) có ký hợp đồng lao động lần đầu với ông G.J.P vào ngày 01/8/2015 với thời hạn lao động là 02 năm, chức danh quản lý, mức tiền lương hàng tháng là 15.000.000 đồng. Sau khi hết hạn hợp đồng là ngày 01/8/2017 thì các bên không tiếp tục ký hợp đồng lao động nhưng ông Gan Jing Ping vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty H. Sau đó, Công ty H có làm thủ tục cấp Giấy phép lao động cho ông G.J.P thời hạn Giấy phép lao động đến ngày 30/9/2019 và ông G.J.P vẫn làm việc tại Công ty H theo vị trí công việc như cũ, mức lương như cũ.

Đến ngày 03/3/2018 ông G.J.P tự ý về nước và không quay lại Công ty H làm việc, cũng như không thực hiện bàn giao công việc.

Hiện nay, Công ty H chưa có bất cứ một quyết định nào hoặc bất cứ một hành động nào thể hiện là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông G.J.P cả. Ông G.J.P cho rằng Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì phải chứng minh. Việc ông G.J.P tự ý nghỉ việc không lý do là thể hiện ông G.J.P đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty H.

Đối với khoản tiền lương: Quá trình làm việc Công ty H hàng tháng vẫn cho ông G.J.P tạm ứng tiền lương (tạm ứng chi phí sinh hoạt) 10.000.000 đồng/tháng (có chứng cứ chứng minh ông G.J.P nhận tiền là theo các đơn thanh toán chi phí). Việc ông G.J.P trình bày không được nhận lương là không đúng. Nếu hàng tháng không nhận lương thì ông G.J.P làm sao có chi phí sinh hoạt hàng ngày trong khi ông G.J.P là người nước ngoài đến lao động tại Việt Nam. Hàng tháng, Công ty H đã tạm ứng tiền lương từ ngày ông G.J.P làm việc cho đến ngày ông G.J.P nghỉ việc ngày 03/3/2018. Do ông G.J.P là người nước ngoài xa quê nên chỉ đề nghị nhận tạm ứng chi phí để sinh hoạt.

Quá trình làm việc Công ty H không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông G.J.P vì là người nước ngoài. Ông G.J.P cũng không có yêu cầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông G.J.P thì Công ty H có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự về khoản tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội mà ông G.J.P yêu cầu nhưng đã hết thời hiệu khởi kiện từ ngày 01/8/2015

đến ngày 02/3/2017. Ông G.J.P chỉ có quyền yêu cầu khoản tiền lương còn thiếu từ ngày 03/3/2017 đến ngày 03/3/2018 tức là ngày ông G.J.P tự ý nghỉ việc.

2. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G.J.P đối với những tháng tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông G.J.P không được làm việc và khoản tiền thuê nhà, trợ cấp thôi việc, tiền lãi...

- Công ty H chỉ đồng ý thanh toán cho ông G.J.P khoản tiền lương còn thiếu mỗi tháng 5.000.000 đồng (còn trong thời hiệu khởi kiện) từ ngày 03/3/2017 đến ngày 03/3/2018 (là ngày ông G.J.P tự ý nghỉ việc) là 12 tháng x 5.000.000 đồng (đã trừ đi mỗi tháng ông G.J.P đã được tạm ứng 10.000.000 đồng) = 60.000.000 đồng.

- Công ty H đồng ý trả cho ông G.J.P khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mà ông G.J.P yêu cầu còn trong thời hiệu khởi kiện từ ngày 03/3/2017 đến ngày 03/3/2018 là 12 tháng x 15.000.000 đồng/tháng x 22%/tháng (số tiền mà Công ty H phải đóng) = 39.600.000 đồng.

Tổng cộng là 99.600.000 đồng làm tròn 100.000.000 đồng. Như vậy, Công ty H đồng ý trả cho ông G.J.P 100.000.000 đồng.

Còn tất cả các yêu cầu khởi kiện khác của ông G.J.P, Công ty H không đồng ý.

Bị đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Hợp đồng lao động, giấy phép lao động (bản photo), đơn thanh toán chi phí (bản dịch tiếng Việt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương) tại công văn số 1678/CV-BHXXH ngày 29/8/2019 của Bảo hiểm xã hội thành phố T: Đến thời điểm hiện tại, Bảo hiểm xã hội thành phố T không có thông tin về việc đóng và hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế của ông G.J.P tại Bảo hiểm xã hội thành phố T. Danh sách lao động tham gia trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế tại Bảo hiểm xã hội thành phố T của Công ty H hiện không có tên ông G.J.P.*

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G.J.P Ping về việc “Tranh chấp tiền lương, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” đối với bị đơn Công ty H về khoản tiền lương từ ngày 01/8/2015 đến ngày 02/3/2017.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G.J.P về việc “Tranh chấp tiền lương, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” đối với bị đơn Công ty H.

Buộc Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho ông G.J.P số tiền **430.086.823** đồng (bốn trăm ba mươi triệu, không trăm, tám mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng).

Buộc Công ty H và ông G.J.P có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 8 năm 2015 đến ngày 30/9/2019 là **53.025.000 đồng** (năm mươi ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, ông G.J.P đóng **18.375.000 đồng** (mười tám triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Công ty H đóng **34.650.000 đồng** (ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G.J.P đối với bị đơn Công ty H đối với số tiền **569.120.177 đồng** (Năm trăm sáu mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, bị đơn Công ty H kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là không có căn cứ. Đồng thời, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại khoản tiền lương chưa thanh toán.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T có Quyết định số 16/QĐKNPT-VKS-LĐ kháng nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không có căn cứ xác định bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn và bị đơn đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8 năm 2015 đến ngày 30/9/2019 là không phù hợp pháp luật và tính án phí đối với phần buộc bị đơn đóng bảo hiểm xã hội là không đúng, có sự chòng chéo.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, nguyên đơn ông G.J.P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lương là chưa thỏa đáng, không buộc bị đơn đóng 17,5% bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là không phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xem xét nội dung kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đại diện Viện Kiểm Sát tỉnh Bình Dương giữ yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 01/6/2020 bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 11/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T có quyết định kháng nghị. Ngày 12/6/2020 nguyên đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Theo quy định

tại khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự kháng cáo và Viện Kiểm sát kháng nghị trong thời hạn và bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Nguyên đơn là người lao động được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu nộp tạm ứng án phí kháng cáo là không đúng pháp luật nên vẫn xét kháng cáo của nguyên đơn và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo.

[2] Về nội dung:

Xét các yêu cầu kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện Kiểm sát thấy rằng:

2.1. Về kháng cáo tranh chấp về tiền lương của Nguyên đơn:

Đại diện nguyên đơn cho rằng khoản tiền lương từ ngày ký kết hợp đồng là 01/8/2015 đến ngày 03/7/2018 (tính thêm 04 tháng kể từ ngày ông G.J.P nghỉ việc), với số tiền là $15.000.000/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 525.000.000$ đồng nguyên đơn chưa được nhận nên công ty phải thanh toán là không phù hợp vì bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trước khi xét xử sơ thẩm tranh chấp về tiền lương. Án sơ thẩm áp dụng thời hiệu theo khoản 2, điều 202 Bộ luật lao động và khoản 2, điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của đại diện nguyên đơn là không phù hợp. Như vậy, tiền lương của nguyên đơn làm việc được tính theo thời gian còn thời hiệu là từ 03/03/2017 đến 03/03/2018 là 12 tháng $\times 15.000.000$ đồng = 180.000.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng 07 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng = 70.000.000 đồng. Vậy, số tiền lương còn lại nguyên đơn được nhận là 180.000.000 đồng – 70.000.000 đồng = 110.000.000 đồng.

2.2. Về kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn đóng Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn với mức 17,5% :

Theo hợp đồng lao động được giao kết giữa hai bên ngày 01/8/2015 thì hai bên có thỏa thuận về việc đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho nguyên đơn. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016) thì *“Người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ”*.

Từ ngày 01/01/2016 đến trước ngày 15/10/2018 thì Chính phủ không có ban hành Nghị định hướng dẫn đối với người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2018).

Tuy nhiên, ngày 03/3/2018 thì hai bên đã chấm dứt quan hệ lao động và theo phân tích nêu trên nên cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ ngày 01/8/2015 đến ngày hết hiệu lực của giấy phép lao động.

2.3. Kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát với nội dung xác định Công ty H không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn G.J.P thấy rằng:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quá trình làm việc tại công ty, ngày 03/3/2018 nguyên đơn nhận được thông tin bị công ty đuổi việc và sau đó công ty không cho nguyên đơn vào nơi làm việc. Nguyên đơn không nhận được thông báo, quyết định nào của công ty về việc cho nghỉ việc. Đồng thời, cùng ngày 03/3/2018 thì nguyên đơn về Trung Quốc đến ngày 06/3/2018 mới quay trở lại. Bị đơn cho rằng ngày 03/3/2018 nguyên đơn tự ý bỏ việc, không đến công ty làm việc, bị đơn không ban hành văn bản nào chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Xét thấy, nguyên đơn cho rằng ngày 03/3/2018 bị công ty đuổi việc, không cho vào công ty làm việc nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn hay bị đơn ngăn cản không cho nguyên đơn vào làm việc. Mặt khác, ngày 03/3/2018 cũng là ngày nguyên đơn xuất cảnh về Trung Quốc nên việc nguyên đơn cho rằng nguyên đơn bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 03/3/2018 là không có căn cứ, lời khai của bị đơn về việc nguyên đơn tự ý bỏ việc là phù hợp. Khi bị đơn chưa xử lý kỷ luật nguyên đơn thì nguyên đơn đã khiếu nại bị đơn ra Phòng Lao động, thương binh xã hội thành phố T.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn là chưa phù hợp. Kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T đối với bản án sơ thẩm về phần này là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Từ các phân tích nêu trên, thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được miễn án phí nên được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 2, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

II. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T; Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G.J.P Ping đối với bị đơn Công ty H về việc “Tranh chấp tiền lương, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” từ ngày 01/8/2015 đến ngày 02/3/2017.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G.J.P về việc “Tranh chấp tiền lương” đối với bị đơn Công ty H từ ngày 02/3/2017 đến ngày 02/3/2018.

Buộc Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho ông G.J.P tiền lương còn nợ là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G.J.P đối với bị đơn Công ty H về việc “*tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền thuê nhà và tiền trợ cấp thôi việc*”.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Lao động tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Công ty H phải chịu 3.300.000 (Ba triệu, ba trăm ngàn) đồng.

III. Về án phí Lao động phúc thẩm:

Các đương sự không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn lại cho ông G.J.P số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050061 ngày 22/6/2020 và hoàn lại cho Công ty H 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050008 ngày 10/6/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa LĐ, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tấn